

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN

Trụ sở: Tầng 8, toà nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp 0100101298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/11/2004, thay đổi gần nhất lần thứ 24 ngày 04/08/2025,

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – VINACOMIN được Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thông qua gần nhất ngày 21/4/2025;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại –VINACOMIN tổ chức tại trụ sở Công ty số 9 phố Duy Tân - phường Cầu Giấy – TP.Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nhất trí thông qua nội dung các Báo cáo được trình bày tại phiên họp. Cụ thể như sau:

1.1. Thông qua Báo cáo số 16/BC- VTTC-HĐQT ngày 31/03/2026 về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

1.1.1. Hoạt động SXKD:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.258.215	1.295.270
2	GTSX	Triệu đồng	60.694	58.355
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.594	7.600
4	Cổ tức/Vốn CP	%	8	≥8
5	Tiền lương BQ/người/tháng	Triệu đồng	10,5	9,5

1.1.2. Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản:

a) Năm 2025 : Giá trị ĐTXDCB thực hiện 2.481 triệu đồng = 35,5% KH .

b) Kế hoạch ĐTXDCB năm 2026: Tổng giá trị đầu tư là 4.000 triệu đồng.

Chi tiết như sau:

TT	Tên dự án	Tổng giá trị (Triệu đồng)
1	Đầu tư nhà hàng, café tầng 1 tòa nhà Vinacomin Hà Nội	4.000

1.1.3. Trong trường hợp thị trường có sự biến động ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD và/hoặc Kế hoạch ĐTXD năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, quyết định điều chỉnh tăng hoặc giảm kế hoạch và chỉ đạo triển khai kế hoạch điều chỉnh đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông công ty

1.2. Thông qua Báo cáo số 17/BC-VTTC-HĐQT ngày 31/03/2026 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

1.3. Thông qua nội dung Báo cáo số 02/BC-VTTC-BKS ngày 31/03/2026 về hoạt động của Ban kiểm soát với 02 nội dung:

- Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

- Đánh giá Kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty sau kiểm toán.

1.4. Phê duyệt mức chi thù lao HĐQT, BKS Công ty và tiền lương cho Ban lãnh đạo điều hành năm 2025; Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương năm 2026 theo nội dung chi tiết tại Báo cáo số 18/BC-VTTC-HĐQT ngày 31/03/2026 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 2: Nhất trí thông qua nội dung các Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã trình bày trước Đại hội. Cụ thể như sau:

2.1. Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 đã được kiểm toán, với các chỉ tiêu trọng yếu ghi tại Tờ trình số 19/ VTTC-HĐQT ngày 31/03/2026. Cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	mã số	31/12/2025	31/12/2024
A	Tình hình tài chính			
I	Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	464.798	560.463
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110 - BCĐKT	34.776	62.274
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120 - BCĐKT		
3	Các khoản phải thu	130 - BCĐKT	257.011	329.020
4	Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	170.467	163.985
5	Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	2.542	5.184
II	Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	33.338	35.844
1	Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	500	564
2	Tài sản cố định	220 - BCĐKT	13.156	14.413
-	Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	57.374	55.975
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(44.217)	(41.562)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 - BCĐKT	136	136
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT		
5	Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	19.545	20.730

III	Nợ phải trả	300 - BCĐKT	438.818	537.256
1	Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	438.818	537.256
2	Nợ dài hạn	330 - BCĐKT		
IV	Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	59.882	59.051
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	25.001	25.001
2	Thặng dư vốn cổ phần	412 - BCĐKT		
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413 - BCĐKT		
4	Cổ phiếu ngân quỹ	414 - BCĐKT		
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416 - BCĐKT		
6	Quỹ đầu tư phát triển	418 - BCĐKT	29.350	29.350
7	Lợi nhuận chưa phân phối	421 - BCĐKT	4.968	4.700
8	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432 - BCĐKT		
B	Các chỉ tiêu đánh giá khác			
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS bq (%)		0,91	0,86
2	Lợi nhuận sau thuế/VCSH bq (%)		9,14	8,65
3	Tổng nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (lần)		7,33	9,05
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)		1,06	1,05

2.2. Phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo nội dung tại Tờ trình số 19/VTTC- HDQT ngày 31/03/2026. Chi tiết như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
I	Kế hoạch lợi nhuận năm 2025	Đồng	7.500.000.000
II	Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025	Đồng	7.594.373.714
III	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025	Đồng	4.967.742.293
IV	Phân phối lợi nhuận năm 2025	Đồng	
1	Trả cổ tức		
-	Vốn điều lệ 31/12/2025	Đồng	25.000.560.000
	<i>Trong đó tỷ lệ góp vốn của TKV/Vốn điều lệ</i>	%	36
-	Tỷ lệ cổ tức dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025	%	Từ 8 đến 10%
-	Tỷ lệ cổ tức thực hiện	%	8%
-	Giá trị cổ tức tính theo tỷ lệ trả cổ tức thực hiện	Đồng	2.000.044.800
2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	Đồng	0
3	Phân chia Lợi nhuận còn lại	Đồng	2.967.697.493
a	<i>Trích quỹ khen thưởng</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.780.618.496</i>
b	<i>Trích quỹ phúc lợi</i>	<i>Đồng</i>	<i>1.187.078.997</i>

2.3. Thông qua nội dung Tờ trình số 20/TTr-VTTC-HĐQT ngày 31/03/2026 Về việc chấp thuận các giao dịch thuộc trường hợp quy định tại Điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 như sau:

2.3.1. Chấp thuận các giao dịch mua - bán hàng hóa, dịch vụ trong năm 2026 có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam và các doanh nghiệp liên quan của TKV, có tên trong danh sách ghi tại mục 2.1 Tờ trình số 20/TTr-VTTC-HĐQT ngày 31/03/2026.

2.3.2. Trường hợp trong năm 2026 có phát sinh giao dịch thuộc phạm vi qui định tại điểm b Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với đối tượng là người (doanh nghiệp) liên quan của TKV nằm ngoài danh sách nêu trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét phê duyệt và báo cáo ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất. HĐQT Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những giao dịch đã phê duyệt trong phạm vi ủy quyền.

2.4. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán BDO thực hiện chức năng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 theo đề xuất của Ban kiểm soát Công ty tại Tờ trình số 03/TTr-VTTC-BKS ngày 31/03/2026 và ủy quyền cho Giám đốc công ty đàm phán, ký hợp đồng thuê Công ty kiểm toán BDO thực hiện;

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo triển khai các nội dung đã được thông qua tại phiên họp thường niên năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này

Điều 4: Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, các cổ đông Công ty căn cứ Nghị quyết triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBCKNN, VCSĐ, SGĐCKHN;
- Các cổ đông (website cty),
- BLĐĐH cty (e-copy);
- Lưu HsĐH, TkHĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

(chữ ký)

Phạm Đăng Phú